

Bản án số: 255/2024/HC-PT

Ngày: 27/6/2024

V/v: “*Khiếu kiện hành vi hành chính về lĩnh vực quản lý đất đai*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Văn Tào

Các Thẩm phán: ông Phạm Việt Cường

ông Phạm Ngọc Thái

- **Thư ký phiên tòa:** bà Văn Thị Mỹ Thảo; Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** ông Nguyễn Thế Vinh; Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 33/2024/TLPT-HC ngày 22 tháng 01 năm 2024 về “*Khiếu kiện hành vi hành chính về lĩnh vực quản lý đất đai*”. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 111/2023/HC-ST ngày 19/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1133/2024/QĐ-PT ngày 10 tháng 6 năm 2024; giữa các đương sự:

- **Người khởi kiện:** ông Võ Văn P, sinh năm 1955; địa chỉ: Số H P, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam. Vắng.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Võ Văn P: ông Phạm Xuân L; địa chỉ: Số H Đ, thành phố H, tỉnh Quảng Nam. Vắng (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- **Người bị kiện:**

1. Văn phòng Đ;

Người đại diện theo ủy quyền: ông Trần Văn C - Chức vụ: Phó Giám đốc Văn phòng Đ. Vắng (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Ủy ban nhân dân thành phố H;

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Minh L1 - Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND thành phố H. Văng (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

+ Ông Trần Thanh H - Chức vụ: Chủ tịch UBND phường C, thành phố H. Văng.

+ Ông Nguyễn Thế P1 - Nhân viên Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố H. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* ông Võ Văn T, sinh năm 1963; địa chỉ: số H P, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam. Vắng.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện, các văn bản có tại hồ sơ vụ án và người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện trình bày:**

Ngày 23/12/2021, ông P nộp hồ sơ khai nhận tài sản thừa kế theo di chúc của cha mẹ là ông Võ H1, sinh năm 1931 (chết ngày 09/01/2011) và bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1929 (chết ngày 02/12/2017) để lại. Địa chỉ nơi cư trú cuối cùng trước khi chết tại H P, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam đối với tài sản là quyền sử dụng đất diện tích 650,9m² (loại đất ở tại đô thị diện tích 503m² và loại đất trồng cây lâu năm diện tích 147,9m²), thuộc thửa đất số 58, tờ bản đồ số 28 tại phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam đã được UBND thành phố H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 950530 ngày 28/10/2010. Đến ngày 11/01/2022, ông P nhận được Phiếu chuyển trả hồ sơ số: 486/CNVPĐKĐĐ ngày 28/12/2021 của Chi nhánh Văn phòng Đ1 có nội dung: Tài sản thừa kế nêu trên là tài sản chung của hộ gia đình vì vậy căn cứ theo quy định của pháp luật hiện hành trong hộ gia đình vẫn còn phần tài sản của thành viên khác nên Chi nhánh Văn phòng Đ1 không thể giải quyết hồ sơ đăng ký biến động (thừa kế) cho ông P được.

Xét thấy, Phiếu chuyển trả hồ sơ số: 486/CNVPĐKĐĐ ngày 28/12/2021 của Chi nhánh Văn phòng Đ1 là không đúng quy định pháp luật, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông P. Bởi vì, đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền ngày 05/02/2010 của ông Võ H1 thể hiện ở phần “*Người sở hữu tài sản gắn liền với đất tên: Võ Hương*” và ở phần “*nguồn gốc sử dụng mua*”, ở phần mục đích sử dụng “*đất ở từ năm 1973*”. Tuy nhiên, khi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 28/10/2010 UBND thành phố H lại ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở phần “*Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất hộ ông: Võ Hương*” là không chính xác, không đúng với đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Võ H1 như đã nêu trên. Mặt khác, ông H1 khai nhận thừa kế đã làm đầy đủ các thủ tục theo quy định của pháp luật như: Văn bản khai nhận thừa kế, niêm yết công khai tại địa phương nơi có đất theo quy định của pháp luật và

không có ai tranh chấp nên ông H1 làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam giải quyết những vấn đề cụ thể sau đây:

- Hủy Phiếu chuyển trả hồ sơ số 486/PC-CNVPĐKĐĐ ngày 28/12/2021 của Chi nhánh Văn phòng Đ1;

- Buộc Văn phòng Đ nhận và giải quyết hồ sơ khai nhận tài sản thừa kế ngày 23/12/2021 cho ông Võ Văn P theo đúng quy định của pháp luật.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 950530 ngày 28/10/2010 do UBND thành phố H cấp cho hộ ông Võ H1.

*** Người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố H và lời trình bày tại phiên tòa của người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện UBND thành phố H thể hiện:**

Theo hồ sơ đăng ký chỉnh lý biên động năm 1992 tại phường C là thửa đất số 393, tờ bản đồ số 3, diện tích 503m², loại đất có ký hiệu T, do ông Võ Văn P (con ông Võ H1) đứng tên kê khai, đăng ký. Theo hồ sơ Nghị định 60/CP của Chính phủ là thửa đất số 58, tờ bản đồ số 28, diện tích 650,9m², gồm 200m² đất ở tại đô thị và 450,9m² loại đất vườn do ông Võ Văn P đứng tên kê khai, đăng ký (phường C không có hồ sơ quản lý đất đai theo Chi thị 299/TTg của Thủ tướng Chính phủ).

Ngày 28/10/2010, UBND Thành phố cấp GCNQSDĐ số BC 950530 cho hộ ông Võ H1 tại thửa đất số 58, tờ bản đồ số 28, phường C, diện tích 650,9m², gồm 200m² đất ở tại đô thị và 450,9m² đất trồng cây lâu năm. Tại thời điểm được cấp GCNQSDĐ trên, trình tự thủ tục cấp GCNQSDĐ là đảm bảo quy định. Từ thời điểm cấp GCNQSDĐ đến nay, hộ ông Võ H1, trong đó có ông Võ Văn P không có ý kiến đối với GCNQSDĐ được cấp. Do đó, đối với yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện về việc: “Hủy GCNQSDĐ số BC 950530 ngày 28/10/2010 do UBND Thành phố H cấp cho hộ ông Võ H1”, UBND Thành phố nhận thấy không có cơ sở xem xét do hết thời hiệu khiếu nại, khiếu kiện theo quy định của pháp luật.

Đồng thời, việc ông Võ Văn P cho rằng: “UBND thành phố Hội An cấp GCNQSDĐ số BC 950530 ngày 28/10/2010 cho hộ ông Võ H1 là không đúng vì đây là tài sản riêng của ông Võ H1, ông Võ H1 kê khai đăng ký và được cấp GCNQSDĐ”, UBND Thành phố nhận thấy không có cơ sở, bởi lẽ: Theo hồ sơ kê khai đăng ký qua các thời kỳ (đã trình bày ở trên) thì ông Võ H1 không có kê khai đăng ký mà ông Võ Văn P là người đại diện hộ gia đình đứng tên kê khai đăng ký; trong quá trình lập hồ sơ cấp GCNQSDĐ (có công khai niêm yết theo quy định) và tại các văn bản nhận tài sản thừa kế lập ngày 03/01/2019, Văn bản cam kết lập ngày 26/4/2021, ông Võ Văn P đều thừa nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 58, tờ bản đồ số 28, phường C là do cha mẹ ông P cùng tạo lập và cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Võ H1 mà không phát sinh bất kỳ khiếu nại, khiếu kiện nào, do đó, việc ông P cho rằng đây là tài sản riêng của ông Võ H1 và ông Võ H1 được cấp GCNQSDĐ là không đảm bảo theo quy định của pháp luật.

*** Người bị kiện Văn phòng Đ trình bày:**

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 950530 ngày 28/10/2010 cấp cho hộ ông Võ H1, vì vậy là tài sản chung của hộ gia đình. Căn cứ theo quy định của pháp luật hiện hành trong hộ gia đình vẫn còn phần tài sản của thành viên khác nên Chi nhánh Văn phòng Đ1 không thể giải quyết hồ sơ đăng ký biến động (thừa kế) cho ông P được. Xét thấy, Phiếu chuyên trả hồ sơ số: 486/CNVPĐKĐĐ ngày 28/12/2021 của Chi nhánh Văn phòng Đ1 là ban hành đúng quy định pháp luật.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn T trình bày:**

Thừa đất số 58, tờ bản đồ số 28, diện tích 650,9m², loại đất ở đô thị 503m², loại đất trồng cây lâu năm 147,9m² tại phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam có nguồn gốc do cha tôi là ông Võ H1, sinh năm 1931 (chết ngày 09/01/2011) để lại. Địa chỉ trước khi chết tại H P, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam tạo lập năm 1973 theo Khế ước thuê đất hương hỏa của ấp M ngày 01/01/1973.

Đến ngày 28/10/2010, UBND thành phố H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 950530 ghi tên người sử dụng đất hộ ông: Võ Hường và tại thời điểm này trong Sổ hộ khẩu của gia đình chúng tôi gồm có 03 thành viên: cha tôi là Võ H1, sinh năm 1931 (chết ngày 09/01/2011); mẹ tôi là Nguyễn Thị T1, sinh năm 1929 (chết ngày 02/12/2017) và tôi là Võ Văn T, sinh năm 1963 nên tôi cũng có quyền sử dụng đất đối với thửa đất nêu trên.

Do đó, tôi không đồng ý cho ông Võ Văn P đối với phần quyền sử dụng đất của tôi thuộc thửa đất nêu trên (vì Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ghi tên người sử dụng đất là hộ ông Võ H1 và tại thời điểm cấp giấy chứng nhận năm 2010 có tên tôi trong Sổ hộ khẩu gia đình nên tôi cũng có quyền sử dụng đất) và kính đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xem xét giải quyết vụ án hành chính nêu trên theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 111/2023/HC-ST ngày 19/8/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định:

Căn cứ khoản 3, 4 Điều 3; khoản 4 Điều 32; khoản 1 Điều 115; Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính 2015; Điều 102 và Điều 212 Bộ luật Dân sự năm 2015, khoản 29 Điều 3, Điều 100 Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn P về các yêu cầu:

- Hủy Phiếu chuyên trả hồ sơ số 486/PC-CNVPĐKĐĐ ngày 28/12/2021 của Chi nhánh Văn phòng Đ1;

- Buộc Văn phòng Đ nhận và giải quyết hồ sơ khai nhận tài sản thừa kế ngày 23/12/2021 cho ông Võ Văn P theo đúng quy định của pháp luật.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 950530 ngày 28/10/2010 do UBND thành phố H cấp cho hộ ông Võ H1.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và công bố quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 22/9/2023, người khởi kiện ông Võ Văn P kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án:

- Về việc chấp hành pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Võ Văn P; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh luận; Xét thấy:

[1]. Xét kháng cáo của ông Võ Văn P; nhận thấy:

[1.1] Nguồn gốc diện tích đất 650,9m² (503m² đất ở đô thị, 147,9m² đất trồng cây lâu năm):

- Tại Khế ước thuê đất ngày 01/01/1973 thể hiện: Ông Võ H1 là người đứng tên thuê diện tích đất 500m², số hiệu 37, tờ bản đồ số 1 (đất hương hỏa) của Ban T2; thời điểm này các con của ông Võ H1, bà Nguyễn Thị T1 còn nhỏ, sống phụ thuộc vào cha mẹ, không có đóng góp công sức gì trong việc bỏ tiền thuê đất.

- Tại Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do ông Võ H1 đứng tên kê khai, ghi nhận nguồn gốc sử dụng đất “Đất mua”; sử dụng trước năm 1980.

- Theo Hồ sơ chỉnh lý biến động năm 1992; hồ sơ Nghị định 60/CP là do ông Võ Văn P (con ông Võ H1) đứng tên kê khai, đăng ký; nhưng xét thấy nguồn gốc đất này là do ông Võ H1 thuê từ năm 1973 và được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất, không thuộc trường hợp Nhà nước cân đối cấp cho hộ gia đình, nên không phải là tài sản chung của hộ gia đình.

- Tuy tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 950530 ngày 28/10/2010 do UBND thành phố H cấp có ghi “Hộ ông: Võ Hường”; nhưng với tài liệu, chứng cứ nêu trên có đủ căn cứ xác định nguồn gốc diện tích đất 650,9m²; trong đó: 503m² đất ở đô thị, 147,9m² đất trồng cây lâu năm (nay là thửa đất số 58, tờ bản đồ số 28, tại phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam) là tài sản do ông Võ H1, bà Nguyễn Thị T1 tạo lập. Đồng thời trước khi chết, ông H1, bà T1 đã lập Di chúc để lại toàn bộ diện tích đất nêu trên cho con là ông Võ Phúc .

Do đó, việc ông Võ P xác lập Văn bản nhận tài sản thừa kế và nộp hồ sơ đăng ký biến động (tài sản thừa kế) là đủ căn cứ, đúng quy định pháp luật. Văn phòng Đ – Chi nhánh H3 có Phiếu chuyển trả hồ sơ số 486/PC-CNVPĐKĐĐ

ngày 28/12/2021 từ chối giải quyết hồ sơ xin nhận tài sản thừa kế của ông H1 là ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông H2.

[1.2]. Xét yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 950530 ngày 28/10/2010 do UBND thành phố H cấp cho hộ ông Võ H1; nhận thấy: Năm 2010, UBND thành phố H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 950530 diện tích đất 650,9m²; trong đó: 503m² đất ở đô thị, 147,9m² thuộc thửa số 58, tờ bản đồ số 28, tại phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam là đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật. Mặt khác, như phân tích tại Mục [1.1] nêu trên, thì hiện nay ông Võ P đang xác lập Văn bản nhận tài sản thừa kế và nộp hồ sơ đăng ký biến động (tài sản thừa kế), nên không cần thiết phải xem xét hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 950530 ngày 28/10/2010 do UBND thành phố H cấp cho “hộ ông Võ H1”.

Từ phân tích trên, hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của ông Võ P; sửa án sơ thẩm, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông P.

[2]. Về án phí hành chính sơ thẩm: Do chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện, nên Văn phòng Đ phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

[3]. Về án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên ông P không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Võ Văn P; sửa án sơ thẩm.

1.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn P:

- Hủy Phiếu chuyển trả hồ sơ số 486/PC-CNVPTĐKĐĐ ngày 28/12/2021 của Văn phòng Đ - Chi nhánh Văn phòng Đ1;

- Buộc Văn phòng Đ - Chi nhánh Văn phòng Đ1 nhận và giải quyết hồ sơ khai nhận tài sản thừa kế ngày 23/12/2021 cho ông Võ Văn P theo đúng quy định của pháp luật.

1.2. Bác yêu cầu của ông Võ Văn P về yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 950530 ngày 28/10/2010 do UBND thành phố H cấp cho hộ ông Võ H1.

2. Về án phí sơ thẩm: Văn phòng Đ phải chịu án 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

3. Về án phí phúc thẩm: Ông Võ Văn P không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Cục THADS tỉnh Quảng Nam;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tào